

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MẶT
THÁNG 01 NĂM 2026
LƯU VỰC SÔNG BẰNG GIANG – KỲ CÙNG**

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Mai Vân

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....	4
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC.....	5
2.1. Dự báo nguồn nước mặt.....	5
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước	7
2.3. Cảnh báo nguồn nước mặt	9
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	9

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước mặt tháng trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định pháp luật.

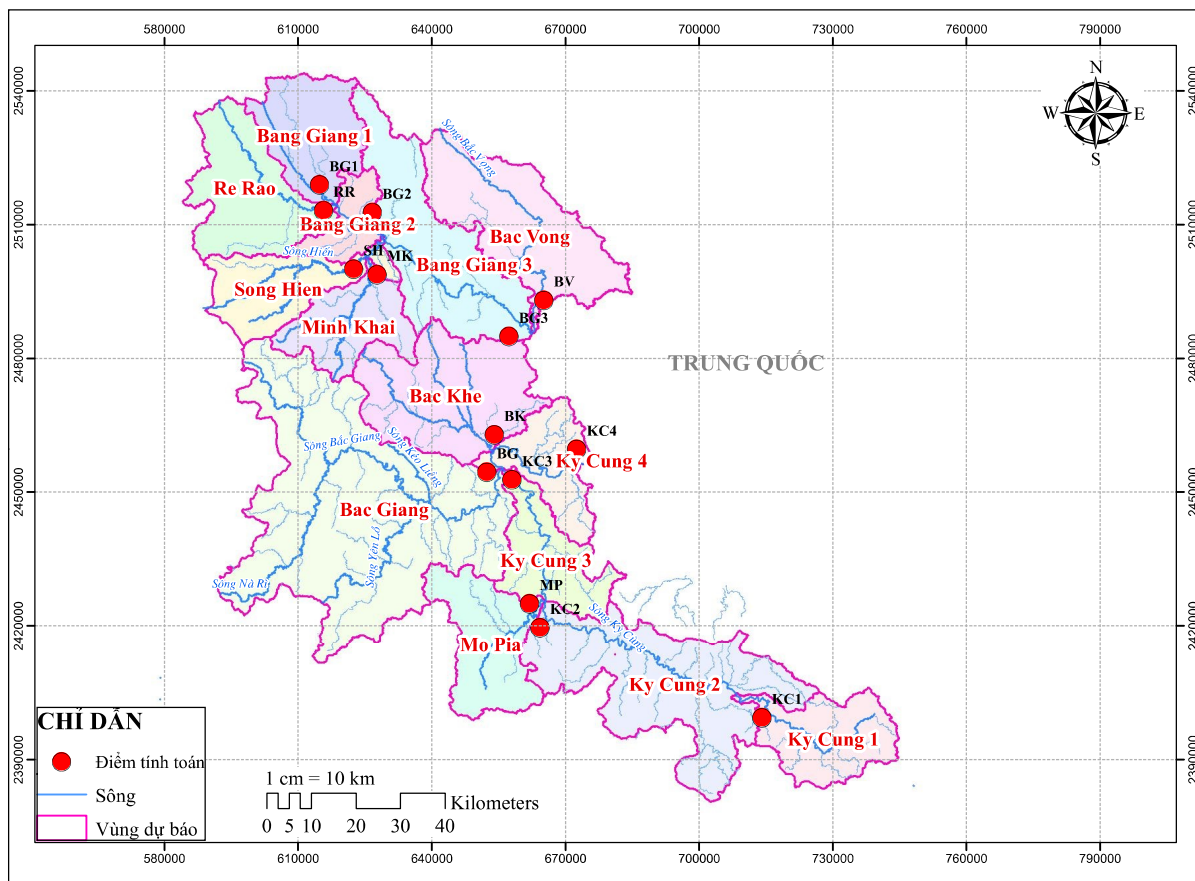
Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là một trong những lưu vực sông lớn ở Việt Nam, bao gồm 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Kạn cũ (nay là Thái Nguyên) với tổng diện tích lưu vực là 10.847 km².

Nội dung chính của Bản tin tháng bao gồm dự báo tổng lượng nước nội sinh, tổng lượng nước có thể khai thác sử dụng và cảnh báo nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông thông qua 14 vùng dự báo: Lưu vực sông Rẻ Rào, lưu vực sông Bắc Vọng, dòng chính sông Hiến, lưu vực sông Minh Khai, dòng chính Bằng Giang đoạn 1, dòng chính Bằng Giang đoạn 2, dòng chính Bằng Giang đoạn 3, lưu vực sông Bắc Khê, lưu vực sông Bắc Giang, lưu vực sông Mo Pia, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2, dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3 và dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4.

Bảng 1. Vị trí dự báo trên các vùng dự báo

TT	Vùng dự báo	Ký hiệu	Diện tích (km ²)	Phạm vi thuộc tỉnh/TP
1	Lưu vực sông Rẻ Rào	RR	695,26	Cao Bằng
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	BV	994,60	Cao Bằng
3	Dòng chính sông Hiến	SH	346,00	Cao Bằng
4	LVS Minh Khai	MK	447,00	Thái Nguyên
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1	BG1	525,58	Cao Bằng
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2	BG2	221,50	Cao Bằng
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3	BG3	964,06	Cao Bằng
8	Lưu vực sông Bắc Khê	BK	858,00	Lạng Sơn
9	Lưu vực sông Bắc Giang	BG	2.486,00	Lạng Sơn và Thái Nguyên
10	Lưu vực sông Mo Pia	MP	608,00	Lạng Sơn
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1	KC1	459,00	Lạng Sơn
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2	KC2	1.406,94	Lạng Sơn
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3	KC3	337,91	Lạng Sơn

TT	Vùng dự báo	Ký hiệu	Diện tích (km ²)	Phạm vi thuộc tỉnh/TP
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4	KC4	359,15	Lạng Sơn
	Tổng cộng		10.847	



Hình 1. Phân vùng dự báo nguồn nước mặt thuộc lưu vực sông Bàng Giang – Kỳ Cùng

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình nhiều năm lưu vực sông Bàng Giang vào loại thấp, dao động khoảng từ 1.400 – 1.750mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại trạm Cao Bằng với lượng mưa trung bình năm khoảng 1,406mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Nguyên Bình (1.764mm). Lượng mưa trung bình năm lưu vực sông Kỳ Cùng phổ biến từ khoảng 1.200 – 1.600mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại Na Sầm với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.118mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Ngân Sơn (1.611mm).

Tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm trên lưu vực sông Bàng Giang – Kỳ Cùng là 8,2 tỷ m³. Dòng chảy trên lưu vực sông Bàng Giang là 3,89 tỷ m³ chiếm 49,3% tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm, lượng nước trên dòng chính lưu vực sông Kỳ Cùng là 1,8 tỷ m³ chiếm 19,7%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Khê là 0,66 tỷ m³ chiếm 8,2%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Giang là 1,85 tỷ m³ chiếm 22,9 %.

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

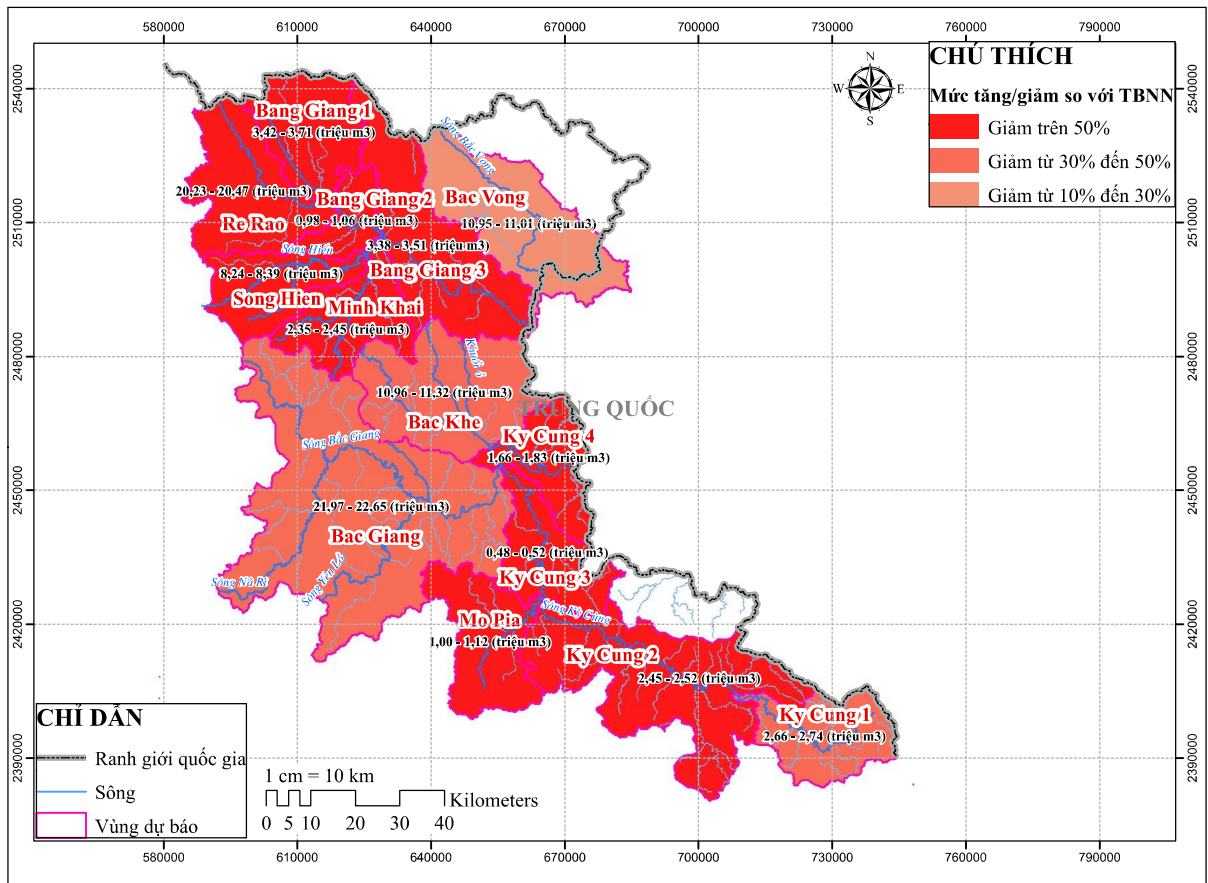
2.1. Dự báo nguồn nước mặt

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng hiện nay thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích là 10.847 km². Lưu vực sông được chia thành 14 vùng dự báo.

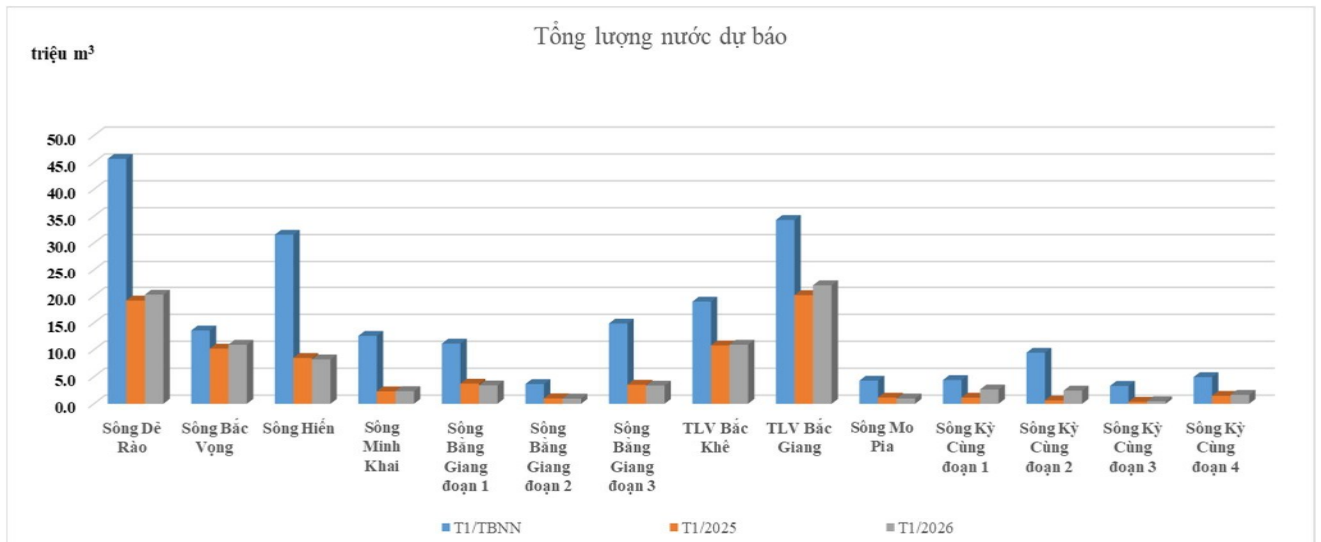
Căn cứ theo số liệu dự báo mưa từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia kết hợp với dữ liệu vệ tinh. Chúng tôi đã tiến hành tính toán, dự báo tổng lượng nước nội sinh đến 14 vùng thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng với kết quả dao động từ 90,7 đến 93.3 triệu m³.

Bảng 2. Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng

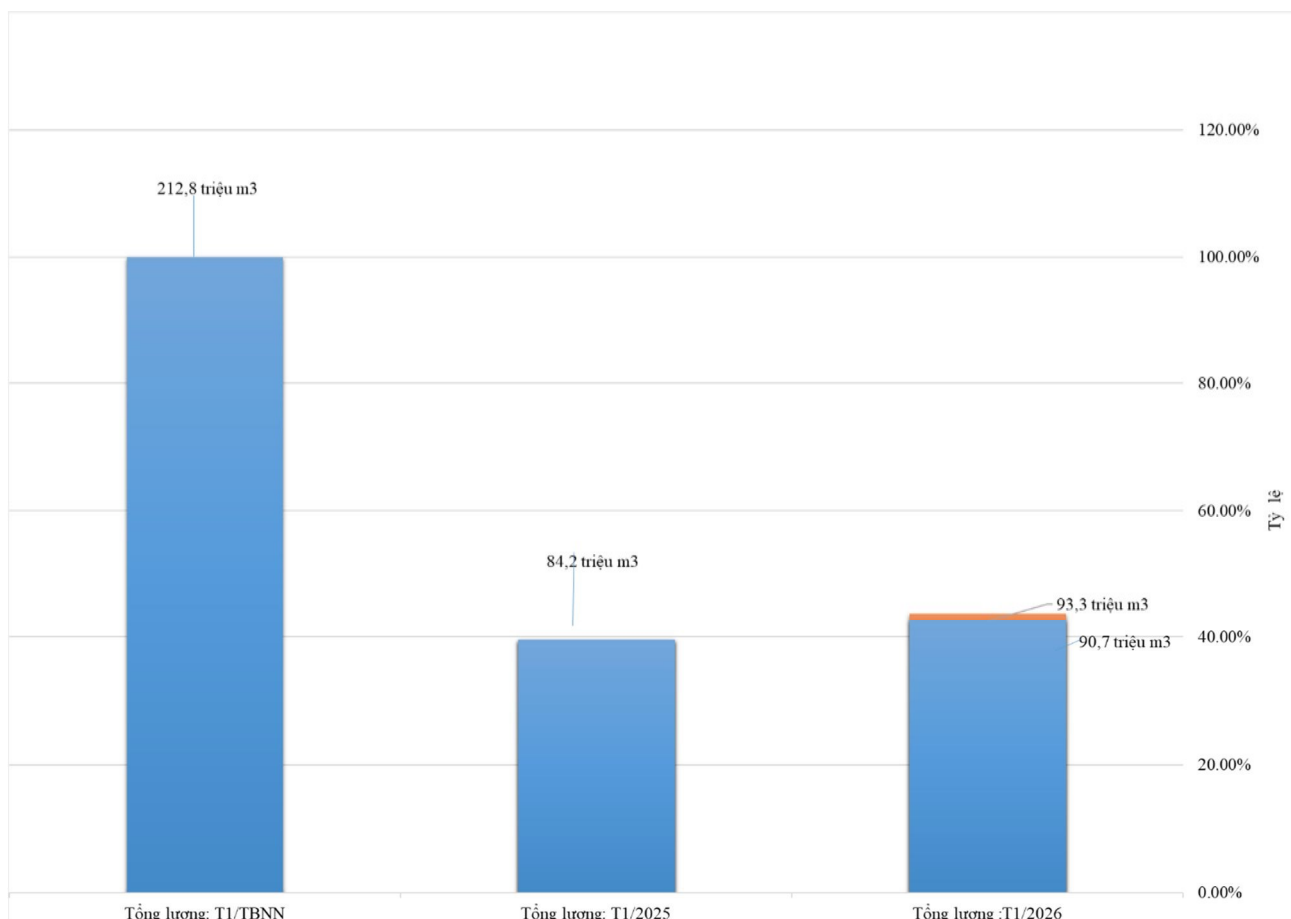
TT	Vùng dự báo	Tổng lượng nước dự báo (triệu m ³)	
		Từ	Đến
1	Lưu vực sông Rẻ Rào	20,23	20,47
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	10,95	11,01
3	Dòng chính sông Hiến	8,24	8,39
4	LVS Minh Khai	2,35	2,45
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào	3,42	3,71
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Rẻ Rào đến trước nhập lưu sông Hiến	0,98	1,06
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ	3,38	3,51
8	Lưu vực sông Bắc Khê	10,96	11,32
9	Lưu vực sông Bắc Giang	21,97	22,65
10	Lưu vực sông Mỏ Pía	1,00	1,12
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải	2,66	2,74
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mỏ Pía	2,45	2,52
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mỏ Pía đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	0,48	0,52
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	1,66	1,83



Hình 2. Dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo



Hình 3. Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh dự báo tại các vùng dự báo trong tháng 1/2026 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN



Hình 4. Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh toàn lưu vực trong tháng 1/2026 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước

Tháng 01 trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng tổng lượng nước mặt dự báo dao động từ 90,7 đến 93,3 triệu m³, thấp hơn 61% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Cụ thể tại các vùng dự báo như sau:

Vùng Lưu vực sông Rẻ Rào: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 6,3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 55,4% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Vọng: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 7,4% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 19,2% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Hiến: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế thấp hơn khoảng 2,2% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 73,6% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Minh Khai: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 4,2% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 80,9% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 1: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế thấp hơn khoảng 4,5% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 68,1% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 2: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 0,9% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 72,1% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bằng Giang đoạn 3: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế thấp hơn khoảng 2,6% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 76,8% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Khê: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 3% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 41,2% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Giang: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 10,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 35% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Bắc Giang: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 10,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 35% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Mo Pia: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế thấp hơn khoảng 8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 75,3% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 1: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 135,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 38,7% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 2: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 296,8% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 73,8% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 3: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 35,6% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 84,9% so với tháng 01 TBNN.

Vùng Lưu vực sông Kỳ Cùng đoạn 4: Trong tháng 01 năm 2026 có xu thế cao hơn khoảng 18,1% so với tháng cùng kỳ năm trước và thấp hơn khoảng 64,7% so với tháng 01 TBNN.

2.3. Cảnh báo nguồn nước mặt

Theo kết quả dự báo trong tháng 1, trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường, không xảy ra hiện tượng thiếu nước tại các tiểu vùng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong tháng 01 tổng lượng nước mặt nội sinh dự báo trên phạm vi các tiểu lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có xu hướng giảm với kết quả dự báo dao động động từ 90,7 đến 93.3 triệu m³, thấp hơn 61% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

Căn cứ trên nhu cầu tháng của các tiểu vùng và đối chiếu kết quả dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng có thể thấy rằng, trong tháng 01 toàn bộ các tiểu lưu vực không bị thiếu nước. Tại các tiểu lưu vực này, việc xác định tỷ lệ phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong phải tuân thủ theo Điều 21, Thông tư 04/2020/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, P. Nghĩa Đô, Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn